TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 303/2025/HS-PT
Ngày 17/04/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Ông Phạm Việt Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Thái Duy Khánh - Thư ký viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 270/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2024/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

Phạm Thị H, Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1984, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số I P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH P2; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H1; có chồng Phạm Văn T1 và 05 con; tiền án: Tại bản án số 18/HSST ngày 16/02/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Mua bán trái phép hóa đơn (Chưa chấp hành án), tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H:* Ông Phạm Quốc T2 - Luật sư Văn phòng L4, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Lô A BT.19 Khu nhà ở Cán bộ Công an, Số A N, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**** Bị hại có kháng cáo:***

1. Chị Bùi Thị Thúy H2, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Số A P, phường V, N, Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số A H, H, Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Bà Lê Kim L, sinh năm 1953, nơi cư trú: Số A L, phường L, N, Hải Phòng; nơi ở hiện tại: C S, khu phố A, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1990, nơi cư trú: Số D Đ, phường Đ, H, Hải Phòng. Vắng mặt.

4. Chị Chu Thị Thanh H3, sinh năm: 1993, nơi cư trú: Số I K, Đ, H, Hải Phòng. Vắng mặt.

5. Chị Trần Thị Thanh H4, sinh năm: 1993, nơi cư trú: Tổ B, Đ, N, Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số A Miếu H, L, Hải Phòng. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại H3, L, G, Thanh H3, H4 là Luật sư Nguyễn Đức C, Luật sư Nguyễn Anh V. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Minh T3, sinh năm: 1986, nơi cư trú: Số A B, T, Hồ N, Hải Phòng; nơi ở hiện tại: B A, N, Hải Phòng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh T3: Luật sư Tô Kiều H5- Có mặt.

7. Chị Vũ Thu T4, sinh năm 1984, nơi cư trú: Số B Lô B L, phường Đ, N, Hải Phòng. Vắng mặt.

8. Bà Vũ Thị Mỹ B, sinh năm 1973, nơi cư trú: Số D L, phường L, L, Hải Phòng. Vắng mặt.

9. Anh Hoàng Đặng Đ, sinh năm 1988, nơi cư trú: Số G K, Hoàng Văn T5, Hồ N, Hải Phòng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Đ: Luật sư Nguyễn Đăng K. Có mặt.

10. Chị Đào Thu O, sinh năm 1994, nơi cư trú: 151b Q, Hồ N, Hải Phòng. Vắng mặt.

11. Ông Trần Quang P, sinh năm 1960, nơi cư trú: Số A L, phường C, N, Hải Phòng. Có mặt.

12. Chị Bùi Quỳnh A, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số D Lô B Khu đô thị I, phường Đ, L, Hải Phòng. Vắng mặt.

13. Chị Vũ Diệu L1, sinh năm 1986, nơi cư trú: Số D L, phường Đ, H, Hải Phòng. Vắng mặt.

14. Anh Lã Quang T6, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A P, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:***

Công ty TNHH P2; Trụ sở: Số A thửa A, Làng V, đường K, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Văn T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số I P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Minh T3, bà Lê Kim L, bà Nguyễn Thị G, chị Trần Thị Thanh H4, chị Bùi Quỳnh A: Luật sư Nguyễn Anh V, Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vũ Thu T4 và chị Bùi Thị Thúy H2: Luật sư Nguyễn S, Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Chu Thị Thanh H3, chị Trần Thị Thanh H4, chị Vũ Thu T4, chị Vũ Thị Mỹ B, chị Đào Thu O: Luật sư Nguyễn Đức C, Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH P2 (viết tắt là Công ty P2) có trụ sở tại số A thửa A, Làng V, đường K, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng thành lập ngày 04/4/2019 do Phạm Thị H làm Giám đốc, đến ngày 29/9/2021 thay đổi đăng ký kinh doanh để Phạm Văn T1, sinh năm 1979, trú tại: số I P, phường A, D, Hải Phòng-là chồng của H) làm Giám đốc và H làm Phó giám đốc công ty.

Công ty P2 hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực môi giới, mua bán bất động sản. Khoảng tháng 8/2020, do việc kinh doanh thua lỗ, cần tiền để trả cho những người đã đầu tư trước đó và sử dụng vào mục đích cá nhân, H đã đưa ra những thông tin sai sự thật với nhân viên kinh doanh của công ty và những người đầu tư về việc Công ty P2 có hợp tác, kinh doanh với các chủ dự án, sẽ mua được các suất bất động sản với giá ưu đãi, suất đối ngoại, vị trí đẹp hoặc góp một phần vốn với chủ các dự án chưa mở bán, các dự án mới có quyết định đầu tư như Dự án V, Vin V, Vin O, Vin O của Tập đoàn V7; Dự án Minato, dự án BRG, dự án Đ, dự án D, dự án V, dự án tổ hợp trung tâm thương mại - sao và văn phòng cho thuê tại khu vực Chợ S1 ở Hải Phòng… Các nhà đầu tư góp vốn với Công ty P2 để đầu tư vào các dự án trên sẽ được hưởng lợi nhuận cao. Mức lợi nhuận, lãi suất H đưa ra tùy theo chu kỳ và thời điểm tham gia: Thời gian đầu là 20% trên số tiền góp trong thời gian 2,5 tháng, sau đó lên 20% trong một tháng, rồi lên đến 10%

trong 10 ngày hoặc 15 ngày. Do tin tưởng, các nhân viên kinh doanh và những người đầu tư đã nhiều lần chuyển tiền cho H với số lượng lớn. Để tiếp tục lôi kéo được thêm nhiều nhà đầu tư, ban đầu H luôn trả lãi đều đặn để những người đầu tư giới thiệu thêm những người đầu tư khác chuyển tiền cho H. Khi người đầu tư, nhân viên kinh doanh của công ty chuyển tiền đầu tư vào tài khoản của Công ty P2, tài khoản cá nhân của H hoặc đưa tiền mặt cho H sẽ nhận được hợp đồng hợp tác kinh doanh, phiếu thu, phiếu đặt chỗ của Công ty P2.

H không tham gia đầu tư vào bất kỳ dự án nào mà sử dụng tiền của nhà đầu tư sau để trả tiền lãi và tiền gốc cho nhà đầu tư trước hoặc trả cho chính nhà đầu tư đó và sử dụng để chi tiêu cho cá nhân.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 8/2020 đến tháng 10/2022, có 44 người đã chuyển cho Phạm Thị H với tổng số tiền là 842.973.816.923 đồng, H đã trả cho mọi người là 522.153.634.828 đồng và đã chiếm đoạt số tiền 290.820.181.995 đồng, cụ thể:

1. Đỗ Hoàng V1 (sinh năm 1991, nơi cư trú: Số A N, Đ, H, Hải Phòng): Góp 9.948.600.000 đồng, đã nhận lại 3.625.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 6.323.600.000 đồng.

2. Bùi Thị Thúy H2 (sinh năm: 1978, nơi cư trú: Số A P, phường V, N, Hải Phòng): Góp 18.300.000.000 đồng, đã nhận lại 1.000.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 17.300.000.000 đồng.

3. Lê Kim L (sinh năm 1953, nơi cư trú: Số A L, phường L, N, Hải Phòng): Góp 1.500.000.000 đồng, đã nhận lại 500.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng.

4. Nguyễn Thị G (sinh năm 1990, nơi cư trú: Số D Đ, phường Đ, H, Hải Phòng): Góp 1.500.000.000 đồng, đã nhận lại 600.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 900.000.000 đồng.

5. Chu Thị Thanh H3 (sinh năm: 1993, nơi cư trú: Số I K, Đ, H, Hải Phòng): Góp 5.700.000.000 đồng, đã nhận lại 3.327.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 2.373.000.000 đồng.

6. Nguyễn Quốc K1 (sinh năm: 1988, nơi cư trú: Số F liền kề 4, Hoàng Huy P1, xã A, A, Hải Phòng): Góp 200.000.000 đồng, đã nhận lại 26.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 174.000.000 đồng.

7. Nguyễn Thị Thùy D (sinh năm: 1990, nơi cư trú: Số B P, phường P, Hồ N, Hải Phòng): Góp 2.650.000.000 đồng, đã nhận lại 879.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.771.000.000 đồng.

8. Hồ Xuân M (sinh năm: 1990, nơi cư trú: Số B P, phường P, Hồ N, Hải Phòng): Góp 600.000.000 đồng, đã nhận lại 394.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 206.000.000 đồng.

9. Trần Thị Thanh H4 (sinh năm: 1993, nơi cư trú: Tổ B, Đ, N, Hải Phòng): Góp 750.000.000 đồng, đã nhận lại 495.500.000 đồng, bị chiếm đoạt 204.500.000 đồng.

10. Hoàng Mạnh C1 (sinh năm: 1989, nơi cư trú: Số C Đ, phường H, Hồ N, Hải Phòng): Góp 4.500.000.000 đồng, đã nhận lại 1.547.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 2.953.000.000 đồng.

11. Nguyễn Thị Kim V2 (sinh năm: 1981, nơi cư trú: Số B N, Kênh D, Lê C2, Hải Phòng): Góp 3.409.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 3.409.000.000 đồng.

12. Nguyễn Huy T7 (sinh năm: 1990, nơi cư trú: Thôn T 3, A, D, Hải Phòng): Góp 1.100.000.000 đồng, đã nhận lại 100.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng.

13. Nguyễn Minh T3 (sinh năm: 1986, nơi cư trú: Số A B, T, Hồ N, Hải Phòng): Góp 4.050.000.000 đồng, đã nhận lại 1.413.500.000 đồng, bị chiếm đoạt 2.636.500.000 đồng.

14. Nguyễn Thu H6 (sinh năm: 1989, nơi cư trú: Số A Tổ I, phường Đ, H, Hải Phòng): Góp 2.800.000.000 đồng, đã nhận lại 1.513.500.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.286.500.000 đồng.

15. Phạm Thị A1 (sinh năm: 1990, nơi cư trú: Số B ngõ A, đường T, Quán T, K, Hải Phòng): Góp 500.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 500.000.000 đồng.

16. Vợ chồng ông Lê Quang V3 (sinh năm: 1956) và bà Nguyễn Thị Minh H7 (sinh năm: 1957) cùng nơi cư trú: Số I T, V, Đ, Hà Nội: Góp 2.000.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 2.000.000.000 đồng.

17. Phạm Thị H8 (sinh năm: 1990, nơi cư trú: Thôn A, A, A, Hải Phòng): Góp 500.000.000 đồng, đã nhận lại 26.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 474.000.000 đồng.

18. Nguyễn Việt H9 (sinh năm: 1991, nơi cư trú: Số A đường Đ, phường Đ, H, Hải Phòng): Góp 800.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 800.000.000 đồng.

19. Vũ Thu T4 (sinh năm 1984, nơi cư trú: Số B Lô B L, phường Đ, N, Hải Phòng): Góp 10.809.999.998 đồng, đã nhận lại 9.196.499.996 đồng, bị chiếm đoạt 1.613.499.992 đồng.

20. Nguyễn Tiến T8 (sinh năm 1991, nơi cư trú: Số B Tập thể Công ty X, phường S, Hồ N, Hải Phòng): Góp 1.000.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng.

21. Vũ Thị Mỹ B (sinh năm 1973, nơi cư trú: Số D L, phường L, L, Hải Phòng): Góp 17.500.800.080 đồng, đã nhận lại 5.546.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 11.954.800.080 đồng.

22. Hoàng Đặng Đ (sinh năm 1988, nơi cư trú: Số G K, Hoàng Văn T5, Hồ N, Hải Phòng): Góp 7.200.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 7.200.000.000 đồng.

23. Vũ Lê Xuân T9 (sinh năm 1990, nơi cư trú: Số B Đà Nẵng, V, N, Hải Phòng): Góp 800.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 800.000.000 đồng.

24. Đào Thu O (sinh năm 1994, nơi cư trú: H Vinhomes Marina C, phường V, L, Hải Phòng): Góp 9.667.784.800 đồng, đã nhận lại 2.707.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 6.960.784.800 đồng.

25. Trần Quang P (sinh năm 1960, nơi cư trú: Số A L, phường C, N, Hải Phòng): Góp 4.000.000.000 đồng, đã nhận lại 855.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 3.145.000.000 đồng.

26. Lại Đức V4 (sinh năm 1987, nơi cư trú: Số A A, phường S, Hồ N, Hải Phòng): Góp 8.799.999.988 đồng, đã nhận lại 6.679.999.989 đồng, bị chiếm đoạt 2.119.999.999 đồng.

27. Lê Hữu T10 (sinh năm 1990, nơi cư trú: Số B T, A, A, Hải Phòng): Góp 500.000.000 đồng, đã nhận lại 39.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 461.000.000 đồng.

28. Bùi Quỳnh A (sinh năm 1983, nơi cư trú: Số D Lô B Khu đô thị I, phường Đ, L, Hải Phòng): Góp 366.240.000.000 đồng, đã nhận lại 290.224.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 76.016.000.000 đồng.

29. Vũ Thị N (sinh năm 1984, nơi cư trú: Số A H, phường N, K, Hải Phòng): Góp 129.868.992.000 đồng, nhận lại 108.253.749.893 đồng, bị chiếm đoạt 21.615.242.107 đồng.

30. Ngô Đức V5 (sinh năm 1990, nơi cư trú: Số C TDP A P, phường A, D, Hải Phòng): Góp 6.759.999.998 đồng, đã nhận lại 5.930.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 829.999.998 đồng.

31. Đồng Thị L2 (sinh năm 1979, nơi cư trú: Số A gác 3 Đ50, phường Đ, N, Hải Phòng): Góp 23.420.000.000 đồng, đã nhận lại 14.516.999.999 đồng, bị chiếm đoạt 8.903.000.001 đồng.

32. Phạm Ngọc H10 (sinh năm 1987, nơi cư trú: Số A N, phường A, L, Hải Phòng): Góp 1.700.000.000 đồng, đã nhận lại 293.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.407.000.000 đồng.

33. Bùi Quang M1 (sinh năm 1991, nơi cư trú: Số I T, phường S, Hồ N, Hải Phòng): Góp 4.200.000.000 đồng, đã nhận lại 1.000.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 3.200.000.000 đồng.

34. Trần Trọng Q (sinh năm 1993, nơi cư trú: Số D Cầu C, phường L, L, Hải Phòng): Góp 5.090.000.000 đồng, đã nhận lại 1.749.800.000 đồng, bị chiếm đoạt 3.340.200.000 đồng.

35. Đặng Huy H11 (sinh năm 1992, địa chỉ: Số G S, phường A, D, Hải Phòng): Góp 8.900.000.000 đồng, đã nhận lại 7.256.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.644.000.000 đồng.

36. Đỗ Quang T11 (sinh năm 1996, nơi cư trú: Tổ D, T, C, C, Quảng Ninh): Góp 100.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 100.000.000 đồng.

37. Lê Trung H12 (sinh năm 1992, nơi cư trú: Số A Khu đô thị V, Hà Nội): Góp 4.400.000.000 đồng, đã nhận lại 2.779.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.621.000.000 đồng.

38. Vũ Diệu L1 (sinh năm 1986, nơi cư trú: Số D L, phường Đ, H, Hải Phòng): Góp 6.500.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 6.500.000.000 đồng.

39. Đào Thanh H13 (sinh năm 1987, nơi cư trú: Số C T, K, Hải Phòng): Góp 7.500.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 7.500.000.000 đồng.

40. Đào Vinh H14 (sinh năm 1969, nơi cư trú: Tổ dân phố số H, phường H, D, Hải Phòng): Góp 2.000.000.000 đồng, đã nhận lại 240.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.760.000.000 đồng

41. Nguyễn Công C3 (sinh năm 1989, nơi cư trú: Số H B, phường Đ, H, Hải Phòng): Góp 1.650.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.650.000.000 đồng

42. Phạm Thanh L3, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số G T, phường V, L, Hải Phòng: góp 50.842.140.000 đồng, nhận lại 38.608.834.989 đồng, bị chiếm đoạt 12.233.305.011 đồng.

43. Nguyễn Thị Thanh H15, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số B Tổ D, thôn T, A, A, Hải Phòng: Góp 101.216.499.959 đồng, nhận lại 40.832.249.962 đồng, bị chiếm đoạt 60.384.249.997 đồng.

44. Lã Quang T6, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số A P, phường P, T, Hà Nội: Góp 1.500.000.000 đồng, bị chiếm đoạt 1.500.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số tài liệu như phiếu thu, phiếu đặt chỗ, hợp đồng… để tiến hành giám định. Tại Kết luận giám định số 190 ngày 01/12/2022 của Phòng K2, Công an thành phố H, kết luận:

"Chữ ký tại mục thủ trưởng đơn vị, đại diện bên A trên các tài liệu cần giám định do Phạm Thị H ký ra. Hình dấu đóng trên các phiếu thu, Hợp đồng hợp tác kinh doanh là dấu của Công ty P2".

Tại Kết luận giám định số 114 ngày 10/02/2023 của Phòng K2 - Công an T xác định tìm thấy 1903 tập tin văn bản được lưu trong CPU máy tính thu giữ tại Công ty P2.

Xác minh các chủ dự án do Phạm Thị H giới thiệu với người đầu tư thấy: Các chủ dự án (bao gồm cả các Công ty thành viên, Công ty C4) không có bất kỳ mối quan hệ hợp tác kinh doanh, không ký kết bất cứ hợp đồng hợp tác kinh doanh và không ủy quyền kinh doanh các dự án do các công ty nêu trên làm chủ cho Công ty P2.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tiến hành phong tỏa đối với các tài khoản ngân hàng của Công ty P2, Phạm Thị H, ông Phạm Văn T (bố đẻ H đứng tên, nhưng do H sử dụng) và tài khoản chứng khoán của Phạm Thị H với tổng số tiền phong tỏa là 12.150.882 đồng và 06 cổ phiếu MBB, 24 cổ phiếu VIC, 60 cổ phiếu VIX.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị H khai: Công ty P2 do Phạm Văn T1 (chồng H) làm Giám đốc, H làm Phó Giám đốc, tuy nhiên toàn bộ hoạt động của công ty là do H điều hành. Lúc đầu có đầu tư thật, công ty có đặt cọc mua bán các căn hộ và nhà ở tại các dự án sau đó bán lại để hưởng chênh lệch. Thời gian đầu, H đầu tư đặt cọc và mua với số lượng ít, nên số tiền đầu tư không nhiều. Do thấy có lãi nên H đã đặt mua với số lượng lớn và có huy động vốn của một số cá nhân. Tuy nhiên, vào thời điểm tháng 8/2020, thị trường bất động sản khó khăn nên không bán được dẫn đến không có tiền để trả cho các nhà đầu tư góp vốn cùng. Để có tiền trả cho các nhà đầu tư và chi tiêu cá nhân, H nghĩ ra cách huy động thêm vốn của những nhà đầu tư khác với mức lãi suất cao như nội dung nêu trên. Lời khai của bị can, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của các nhân viên Công ty P2, nội dung kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Những người bị hại yêu cầu bị can Phạm Thị H phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Vật chứng:

- 01 CPU máy tính đã qua sử dụng của Công ty TNHH P2.

- 01 Dấu Công ty TNHH P3, mã số doanh nghiệp: 0201957712; 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Văn T1; 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Thị H; 01 dấu chức danh Phó giám đốc Phạm Thị H; 01 dấu chức danh kế toán trưởng Lương Thị H16, chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng quản lý theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2024/HS-ST ngày 02/08/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

I. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39; Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xử phạt: Phạm Thị H tù Chung thân. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 18/HSST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Phạm Thị H bồi thường cho các bị hại số tiền như sau:

1. Đỗ Hoàng V1 6.323.600.000 (sáu tỉ ba trăm hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

2. Bùi Thị Thúy H2 17.300.000.000 (mười bảy tỉ ba trăm triệu) đồng.

3. Lê Kim L 1.000.000.000 (một tỉ) đồng.

4. Nguyễn Thị G 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

5. Chu Thị Thanh H3 2.373.000.000 (hai tỉ ba trăm bảy mươi ba triệu) đồng.

6. Nguyễn Quốc K1 174.000.000 (một trăm bảy mươi tư triệu) đồng.

7. Nguyễn Thị Thùy D 1.771.000.000 (một tỉ bảy trăm bảy mươi mốt triệu) đồng.

8. Hồ Xuân M 206.000.000 (hai trăm lẻ sáu triệu) đồng.

9. Trần Thị Thanh H4 204.500.000 (hai trăm lẻ bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

10. Hoàng Mạnh C1 2.953.000.000 (hai tỉ chín trăm năm mươi ba triệu) đồng.

11. Nguyễn Thị Kim V2 3.409.000.000 (ba tỉ bốn trăm lẻ chín triệu) đồng.

12. Nguyễn Huy T7 1.000.000.000 (một tỉ) đồng.

13. Nguyễn Minh T3 2.636.500.000 (hai tỉ sáu trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

14. Nguyễn Thu H6 1.286.500.000 (một tỉ hai trăm tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

15. Phạm Thị A1 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

16. Ông Lê Quang V3 và bà Nguyễn Thị Minh H7 2.000.000.000 (hai tỉ) đồng.

17. Phạm Thị H8 474.000.000 (bốn trăm bảy mươi tư triệu) đồng.

18. Nguyễn Việt H9 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

19. Vũ Thu T4 1.613.499.992 (một tỉ sáu trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi hai) đồng.

20. Nguyễn Tiến T8 1.000.000.000 (một tỉ) đồng.

21. Vũ Thị Mỹ B 11.954.800.080 (mười một tỉ chín trăm năm tư triệu tám trăm lẻ tám mươi nghìn) đồng.

22. Hoàng Đặng Đ 7.200.000.000 (bảy tỉ hai trăm triệu) đồng.

23. Vũ Lê Xuân T9 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

24. Đào Thu O 6.960.784.800 (sáu tỉ chín trăm sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn tám trăm) đồng.

25. Trần Quang P 3.145.000.000 (ba tỉ một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

26. Lại Đức V4 2.119.999.999 (hai tỉ một trăm mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín chín) đồng.

27. Lê Hữu T10 461.000.000 (bốn trăm sáu mươi mốt triệu) đồng.

28. Bùi Quỳnh A 76.016.000.000 (bảy mươi sáu tỉ không trăm mười sáu triệu) đồng.

29. Vũ Thị N 21.615.242.107 (hai mươi mốt tỉ sáu trăm mười lăm triệu hai trăm bốn hai nghìn một trăm lẻ bảy) đồng.

30. Ngô Đức V5 829.999.998 (tám trăm hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng.

31. Đồng Thị L2 8.903.000.001 (tám tỉ chín trăm linh ba triệu lẻ một) đồng.

32. Phạm Ngọc H10 1.407.000.000 (một tỉ bốn trăm linh bảy triệu) đồng.

33. Bùi Quang M1 3.200.000.000 (ba tỉ hai trăm triệu) đồng.

34. Trần Trọng Q 3.340.200.000 (ba tỉ ba trăm bốn mươi triệu hai trăm nghìn) đồng.

35. Đặng Huy H11 1.644.000.000 (một tỉ sáu trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.

36. Đỗ Quang T11 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

37. Lê Trung H12 1.621.000.000 (một tỉ sáu trăm hai mươi mốt triệu) đồng.

38. Vũ Diệu L1 6.500.000.000 (sáu tỉ năm trăm triệu) đồng.

39. Đào Thanh H13 7.500.000.000 (bảy tỉ năm trăm triệu) đồng.

40. Đào Vinh H14 1.760.000.000 (một tỉ bảy trăm sáu mươi triệu) đồng

41. Nguyễn Công C3 1.650.000.000 (một tỉ sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

42. Phạm Thanh L3 12.233.305.011 (mười hai tỉ hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm linh năm nghìn không trăm lẻ mười một) đồng.

43. Nguyễn Thị Thanh H15 60.384.249.997 (sáu mươi tỉ ba trăm tám mươi tư triệu hai trăm bốn chín nghìn chín trăm chín mươi bảy) đồng.

44. Lã Quang T6 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng; biện pháp tư pháp; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 16/8/2024, bị cáo Phạm Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 12/8/2024, bị hại anh Hoàng Đặng Đ, ông Trần Quang P kháng cáo đề nghị xem xét hành vi của Phạm Văn T1 – Giám đốc công ty P2 có dấu hiệu đồng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; xem xét hành vi của kế toán trưởng công ty P2 vi phạm Luật kế toán; xem xét hành vi chồng và em trai của bị cáo H có dấu hiệu phạm tội rửa tiền.

- Ngày 14/8/2024, bị hại anh Lã Quang T6, bà Vũ Thị Mỹ B kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án, xem xét hành vi của những người liên quan đến quá trình phạm tội của bị cáo, hành vi tẩu tán tài sản để xử lý nghiêm trước pháp luật và thu hồi tài sản trả lại cho các bị hại.

- Ngày 15/8/2024, bị hại anh Nguyễn Minh T3 kháng cáo đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung về hành vi tham ô tài sản của bị cáo Phạm Thị H; đồng thời làm rõ trách nhiệm của ông Phạm Văn T1 là Giám đốc Công ty P3.

- Ngày 15/8/2024, các bị hại chị Vũ Thu T4, bà Lê Kim L, chị Bùi Quỳnh A, chị Nguyễn Thị G kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án, xem xét hành vi của những người liên quan đến quá trình phạm tội của bị cáo H, hành vi tẩu tán tài sản để xử lý nghiêm trước pháp luật và thu hồi tài sản trả lại cho các bị hại.

- Ngày 16/8/2024, các bị hại chị Đào Thu O, chị Trần Thị Thanh H4, chị Vũ Diệu L1, chị Chu Thị Thanh H3, chị Bùi Thị Thúy H2 kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án, xem xét hành vi của những người liên quan đến quá trình phạm tội của bị cáo H, hành vi tẩu tán tài sản để xử lý nghiêm trước pháp luật và thu hồi tài sản trả lại cho các bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo rút kháng cáo. Anh Nguyễn Minh T3 rút một phần kháng cáo về đề nghị xem xét bị cáo phạm tội Tham ô tài sản. Những người bị hại giữ nguyên kháng cáo, giữ nguyên lời trình bày tại giai đoạn sơ thẩm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Phạm Văn T1 là chồng bị cáo H có mặt tại phiên toà, phủ nhận việc liên quan đến hành vi phạm tội của H.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại, Bị hại: Đề nghị xem xét vài trò đồng phạm của Phạm Văn T1, kế toán công ty P2 và những người khác có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Toà án phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và có công văn đến cơ quan điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo, người bị hại là hợp lệ, trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên toà bị cáo tự nguyện rút kháng cáo, người bị hại tự nguyện rút một phần kháng cáo. Đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo của bị cáo, đình chỉ một phần kháng cáo của anh T1 về đề nghị xem xét tội danh tham ô tài sản.

Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là đúng. Về phần hình phạt và các quyết định khác đã đúng pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng chưa làm rõ được hành vi của những người khác phạm tội, có liên quan đến hành vi của H. Do đó không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có người tham gia tố tụng nào khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố

tụng của những người tiến hành tố tụng, các Cơ quan tiến hành tố tụng nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

- Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H và các bị hại làm trong hạn luật định, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên toà bị cáo tự nguyện rút kháng cáo, người bị hại tự nguyện rút một phần kháng cáo. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo của bị cáo, đình chỉ một phần kháng cáo của anh T1.

[2] Xét kháng cáo của những người bị hại: Người bị hại kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị tăng nặng hình phạt, yêu cầu huỷ bản án để điều tra thêm về việc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội khác.

[3] Về tội danh và hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo:

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị H đã thành khẩn khai nhận thực hiện các hành vi như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo H tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 8/2020 đến tháng 10/2022, Phạm Thị H đã đưa các thông tin gian dối về việc Công ty P2 có hợp tác với các chủ dự án để nhận đặt cọc và phân phối các sản phẩm của các dự án này với mức lợi nhuận cao nhằm chiếm đoạt tiền của các nhà góp vốn đầu tư. Tổng số tiền H đã huy động của 44 người là 842.973.816.923 đồng, H đã trả cho mọi người là 522.153.634.828 đồng và đã chiếm đoạt số tiền là 290.820.181.995 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt Toà án cấp sơ thẩm quyết định với bị cáo và những quyết định khác của bản án sơ thẩm đã phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về kháng cáo huỷ bản án để điều tra làm rõ đồng phạm và hành vi phạm tội khác: Xét thấy cơ quan điều tra đã điều tra nhưng chưa có căn cứ xác định bị cáo có đồng phạm khác, hoặc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội khác. Hơn nữa Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã kiến nghị cơ quan Công an xem xét trách nhiệm của Phạm Văn T1 và kế toán Lương Thị H16, và những người khác. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại về việc huỷ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kiến nghị của Toà án cấp sơ thẩm là đúng nên vẫn giữ nguyên trong phần quyết định.

[5] Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của V6 đại diện Viện kiểm sát, bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí: bị cáo đã rút kháng cáo, bị hại không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo của bị cáo, đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Minh T3.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2024/HS-ST ngày 02 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, như sau:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39; Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xử phạt: Phạm Thị H tù Chung thân. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 18/HSST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Phạm Thị H bồi thường cho các bị hại số tiền như sau:

(1). Đỗ Hoàng V1 6.323.600.000 (sáu tỉ ba trăm hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

(2). Bùi Thị Thúy H2 17.300.000.000 (mười bảy tỉ ba trăm triệu) đồng.

(3). Lê Kim L 1.000.000.000 (một tỉ) đồng.

(4). Nguyễn Thị G 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

(5). Chu Thị Thanh H3 2.373.000.000 (hai tỉ ba trăm bảy mươi ba triệu) đồng.

(6). Nguyễn Quốc K1 174.000.000 (một trăm bảy mươi tư triệu) đồng.

(7). Nguyễn Thị Thùy D 1.771.000.000 (một tỉ bảy trăm bảy mươi mốt triệu) đồng.

(8). Hồ Xuân M 206.000.000 (hai trăm lẻ sáu triệu) đồng.

(9). Trần Thị Thanh H4 204.500.000 (hai trăm lẻ bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

(10). Hoàng Mạnh C1 2.953.000.000 (hai tỉ chín trăm năm mươi ba triệu) đồng.

(11). Nguyễn Thị Kim V2 3.409.000.000 (ba tỉ bốn trăm lẻ chín triệu) đồng.

(12). Nguyễn Huy T7 1.000.000.000 (một tỉ) đồng.

(13). Nguyễn Minh T3 2.636.500.000 (hai tỉ sáu trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

(14). Nguyễn Thu H6 1.286.500.000 (một tỉ hai trăm tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

(15). Phạm Thị A1 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

(16). Ông Lê Quang V3 và bà Nguyễn Thị Minh H7 2.000.000.000 (hai tỉ) đồng.

(17). Phạm Thị H8 474.000.000 (bốn trăm bảy mươi tư triệu) đồng.

(18). Nguyễn Việt H9 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

(19). Vũ Thu T4 1.613.499.992 (một tỉ sáu trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi hai) đồng.

(20). Nguyễn Tiến T8 1.000.000.000 (một tỉ) đồng.

(21). Vũ Thị Mỹ B 11.954.800.080 (mười một tỉ chín trăm năm tư triệu tám trăm nghìn không trăm tám mươi) đồng.

(22). Hoàng Đặng Đ 7.200.000.000 (bảy tỉ hai trăm triệu) đồng.

(23). Vũ Lê Xuân T9 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

(24). Đào Thu O 6.960.784.800 (sáu tỉ chín trăm sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn tám trăm) đồng.

(25). Trần Quang P 3.145.000.000 (ba tỉ một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

(26). Lại Đức V4 2.119.999.999 (hai tỉ một trăm mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín chín) đồng.

(27). Lê Hữu T10 461.000.000 (bốn trăm sáu mươi mốt triệu) đồng.

(28). Bùi Quỳnh A 76.016.000.000 (bảy mươi sáu tỉ không trăm mười sáu triệu) đồng.

(29). Vũ Thị N 21.615.242.107 (hai mươi mốt tỉ sáu trăm mười lăm triệu hai trăm bốn hai nghìn một trăm lẻ bảy) đồng.

(30). Ngô Đức V5 829.999.998 (tám trăm hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng.

(31). Đồng Thị L2 8.903.000.001 (tám tỉ chín trăm linh ba triệu lẻ một) đồng.

(32). Phạm Ngọc H10 1.407.000.000 (một tỉ bốn trăm linh bảy triệu) đồng.

(33). Bùi Quang M1 3.200.000.000 (ba tỉ hai trăm triệu) đồng.

(34). Trần Trọng Q 3.340.200.000 (ba tỉ ba trăm bốn mươi triệu hai trăm nghìn) đồng.

(35). Đặng Huy H11 1.644.000.000 (một tỉ sáu trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.

(36). Đỗ Quang T11 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

(37). Lê Trung H12 1.621.000.000 (một tỉ sáu trăm hai mươi mốt triệu) đồng.

(38). Vũ Diệu L1 6.500.000.000 (sáu tỉ năm trăm triệu) đồng.

(39). Đào Thanh H13 7.500.000.000 (bảy tỉ năm trăm triệu) đồng.

(40). Đào Vinh H14 1.760.000.000 (một tỉ bảy trăm sáu mươi triệu) đồng

(41). Nguyễn Công C3 1.650.000.000 (một tỉ sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

(42). Phạm Thanh L3 12.233.305.011 (mười hai tỉ hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm linh năm nghìn không trăm mười một) đồng.

(43). Nguyễn Thị Thanh H15 60.384.249.997 (sáu mươi tỉ ba trăm tám mươi tư triệu hai trăm bốn chín nghìn chín trăm chín mươi bảy) đồng.

(44). Lã Quang T6 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại Công ty TNHH P3 (Cây) máy tính đã qua sử dụng; 01 Dấu Công ty TNHH P3, mã số doanh nghiệp: 0201957712; 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Văn T1; 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Thị H; 01 dấu chức danh Phó giám đốc Phạm Thị H; 01 dấu chức danh kế toán trưởng Lương Thị H16, (tình trạng đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/12/2023).

- Tiếp tục phong toả các tài khoản ngân hàng của Công ty P2, Phạm Thị H, ông Phạm Văn T12 (bố đẻ H đứng tên, nhưng do H sử dụng) và tài khoản chứng khoán của Phạm Thị H với tổng số tiền phong tỏa là 12.150.882 đồng và 06 cổ phiếu MBB, 24 cổ phiếu VIC, 60 cổ phiếu VIX. và các cổ phiếu của bị cáo để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

và 398.820.182 đồng (ba trăm chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi nghìn một trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường trên, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về các vấn đề khác: Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ vai trò, xử lý theo quy định pháp luật đối với những người đứng tên giám đốc, kế toán và những người liên quan đến việc rút tiền, chuyển tiền của các công ty liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị H.

8. Về án phí phúc thẩm: bị cáo, bị hại kháng cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TPHải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Bị cáo ;
- Người bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, PLTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến